

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

QUỸ ETF SSIAM VNX50

Số/No.: 422/2020/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 11 tháng 06 năm 2020  
Hanoi, 11 June 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH  
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT  
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM  
To: Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV, Chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 10/06/2020
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF

Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weight
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	2,200	4.6%
2	BVH	90	0.4%
3	CII	270	0.4%
4	CTD	40	0.2%
5	CTG	900	1.8%
6	DXG	620	0.6%
7	EIB	1,470	2.2%
8	FLC	800	0.2%
9	FPT	880	3.5%
10	GAS	130	0.8%
11	GEX	550	0.8%
12	GMD	350	0.6%
13	HBC	220	0.2%
14	HCM	170	0.3%
15	HDB	950	2.2%
16	HPG	2,330	5.2%
17	HSG	350	0.3%
18	KBC	490	0.6%



me

19	MBB	2,020	3.0%
20	MSN	650	3.3%
21	MWG	410	3.0%
22	NLG	210	0.4%
23	NVL	470	2.1%
24	PDR	200	0.4%
25	PLX	150	0.6%
26	PNJ	250	1.3%
27	POW	660	0.6%
28	PPC	110	0.2%
29	PVD	290	0.3%
30	PVS	300	0.3%
31	REE	210	0.5%
32	ROS	400	0.1%
33	SAB	90	1.3%
34	SBT	370	0.5%
35	SHB	1,700	2.2%
36	SSI	510	0.7%
37	STB	2,540	2.2%
38	TCB	3,200	5.6%
39	TCH	270	0.5%
40	TPB	690	1.2%
41	VCB	570	4.2%
42	VCG	100	0.2%
43	VCS	100	0.6%
44	VGC	200	0.3%
45	VHM	1,150	7.3%
46	VIC	1,110	8.7%
47	VJC	360	3.5%
48	VNM	1,070	10.9%
49	VPB	2,400	4.7%
50	VRE	1,280	2.9%
<b>II</b>	<b>Tiền/Cash (VND)</b>	<b>13,953,215</b>	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoáan đổi/ *Difference between a basket and an ETF Creation Unit in value:*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ <i>Basket in value</i>	1,208,573,500 VND
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ <i>Value of an ETF Creation Unit</i>	1,222,526,715 VND
+ Giá trị chênh lệch/ <i>Cash Component</i>	13,953,215 VND

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / *Options to Investors:*

• Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *For creation order* : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer Cash Component*

• Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *For redemption order* : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive Cash Component after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/

*In case, stock can be substituted by cash, state clearly the reason:*



STT No	Mã Chứng Khoán Securities	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	52,400	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
2	SSI	15,850	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch <i>Treasury stock not yet registered for trading</i>
3	VCB	89,500	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
4	ACB	25,500	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	FPT	48,950	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	GMD	20,750	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MBB	18,100	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	MWG	88,700	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	PNJ	65,500	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	REE	31,950	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>



*Handwritten signature*

11	TCB	21,550	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
12	TPB	21,650	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
13	VPB	24,100	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period 10/06/2020	Kỳ trước/Last Period 09/06/2020	Chênh lệch/ Difference
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	7	0	7
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	13,500,000	14,200,000	-700,000
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	12,250	12,250	0
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date của quỹ ETF/ of the Fund	173,598,793,630	173,902,815,151	-304,021,521
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	1,222,526,715	1,224,667,712	-2,140,997
của 1 CCQ/ per Share	12,225.26	12,246.67	-21.41
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,389.36	1,386.08	3.28

Đại diện tổ chức *Nax*

Organization representative



*Tô Thùy Linh*  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC